

**DANH SÁCH NHẬN HỖ TRỢ TIỀN ĂN, TIỀN Ở HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026**  
( Theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ)

| STT | HỌ VÀ TÊN          | LỚP   | DÂN TỘC | HỌ KHẨU TẠM TRÚ        | HỖ TRỢ TIỀN ĂN (40%) |          |            | HỖ TRỢ TIỀN Ở (10%) |          |            | TỔNG CỘNG | KÝ NHẬN | GHI CHÚ<br>(Ghi số điện thoại) |
|-----|--------------------|-------|---------|------------------------|----------------------|----------|------------|---------------------|----------|------------|-----------|---------|--------------------------------|
|     |                    |       |         |                        | Số tháng             | ST/tháng | Thành tiền | Số tháng            | ST/tháng | Thành tiền |           |         |                                |
| 1   | Y - Đa Wit Ađrông  | 10A5  | Ê-đê    | Buôn Riăng, xã Ea Na   | 5                    | 936.000  | 4.680.000  | 5                   | 360.000  | 1.800.000  | 6.480.000 |         |                                |
| 2   | Y- Đê Găl Hđök     | 10A5  | Ê-đê    | Buôn Riăng, xã Ea Na   | 5                    | 936.000  | 4.680.000  | 5                   | 360.000  | 1.800.000  | 6.480.000 |         |                                |
| 3   | Y- Triêk Bkrông    | 10A5  | Ê-đê    | Buôn Riăng, xã Ea Na   | 5                    | 936.000  | 4.680.000  | 5                   | 360.000  | 1.800.000  | 6.480.000 |         |                                |
| 4   | H' Binh Nhi Hđök   | 10A6  | Ê-đê    | Buôn Riăng, xã Ea Na   | 5                    | 936.000  | 4.680.000  | 5                   | 360.000  | 1.800.000  | 6.480.000 |         |                                |
| 5   | H' Khoan Bkrông    | 10A6  | Ê-đê    | Buôn Riăng, xã Ea Na   | 5                    | 936.000  | 4.680.000  | 5                   | 360.000  | 1.800.000  | 6.480.000 |         |                                |
| 6   | H' Tươu Hđök       | 10A6  | Ê-đê    | Buôn Riăng, xã Ea Na   | 5                    | 936.000  | 4.680.000  | 5                   | 360.000  | 1.800.000  | 6.480.000 |         |                                |
| 7   | Tuấn Anh Ênuôi     | 11A1  | Ê-đê    | Buôn Dur 1, xã Du Kmäl | 5                    | 936.000  | 4.680.000  | 5                   | 360.000  | 1.800.000  | 6.480.000 |         |                                |
| 8   | H - Lê Na Kmăn Byă | 11A7  | Ê-đê    | Buôn Dur 1, xã Du Kmäl | 5                    | 936.000  | 4.680.000  | 5                   | 360.000  | 1.800.000  | 6.480.000 |         |                                |
| 9   | H - Sa Lan Ênuôi   | 11A7  | Ê-đê    | Buôn Dur 1, xã Du Kmäl | 5                    | 936.000  | 4.680.000  | 5                   | 360.000  | 1.800.000  | 6.480.000 |         |                                |
| 10  | Y Han Hdrue        | 11A7  | Ê-đê    | Buôn Krông, xã Du Kmäl | 5                    | 936.000  | 4.680.000  | 5                   | 360.000  | 1.800.000  | 6.480.000 |         |                                |
| 11  | Lây Văn Quỳnh      | 11A7  | Nùng    | Buôn Krông, xã Du Kmäl | 5                    | 936.000  | 4.680.000  | 5                   | 360.000  | 1.800.000  | 6.480.000 |         |                                |
| 12  | Quan Thị Hồng Nhi  | 11A8  | Tày     | Buôn Krông, xã Du Kmäl | 5                    | 936.000  | 4.680.000  | 5                   | 360.000  | 1.800.000  | 6.480.000 |         |                                |
| 13  | Nông Anh Thảo      | 11A8  | Tày     | Buôn Krông, xã Du Kmäl | 5                    | 936.000  | 4.680.000  | 5                   | 360.000  | 1.800.000  | 6.480.000 |         |                                |
| 14  | H' Be Ri Hđök      | 11A8  | Ê-đê    | Buôn Riăng, xã Ea Na   | 5                    | 936.000  | 4.680.000  | 5                   | 360.000  | 1.800.000  | 6.480.000 |         |                                |
| 15  | Y Kha Hmök         | 11A8  | Ê-đê    | Buôn Dur 1, xã Du Kmäl | 5                    | 936.000  | 4.680.000  | 5                   | 360.000  | 1.800.000  | 6.480.000 |         |                                |
| 16  | H' Radil Hđök      | 11A8  | Ê-đê    | Buôn Riăng, xã Ea Na   | 5                    | 936.000  | 4.680.000  | 5                   | 360.000  | 1.800.000  | 6.480.000 |         |                                |
| 17  | H' Giñ Hmök        | 11A9  | Ê-đê    | Buôn Riăng, xã Ea Na   | 5                    | 936.000  | 4.680.000  | 5                   | 360.000  | 1.800.000  | 6.480.000 |         |                                |
| 18  | H' Ngơ Bkrông      | 11A9  | Ê-đê    | Buôn Riăng, xã Ea Na   | 5                    | 936.000  | 4.680.000  | 5                   | 360.000  | 1.800.000  | 6.480.000 |         |                                |
| 19  | H' Luôr Bkrông     | 11A10 | Ê-đê    | Buôn Riăng, xã Ea Na   | 5                    | 936.000  | 4.680.000  | 5                   | 360.000  | 1.800.000  | 6.480.000 |         |                                |
| 20  | H Nim Ênuôi        | 11A10 | Ê-đê    | Buôn Dur 1, xã Du Kmäl | 5                    | 936.000  | 4.680.000  | 5                   | 360.000  | 1.800.000  | 6.480.000 |         |                                |



|                  |                     |       |      |                        |   |         |           |   |         |           |                    |  |  |                   |                    |  |  |
|------------------|---------------------|-------|------|------------------------|---|---------|-----------|---|---------|-----------|--------------------|--|--|-------------------|--------------------|--|--|
| 21               | H' Yiêm Bkrông      | 11A10 | Ê-đê | Buôn Riăng, xã Ea Na   | 5 | 936.000 | 4.680.000 | 5 | 360.000 | 1.800.000 | 6.480.000          |  |  |                   |                    |  |  |
| 22               | H' Dấu Êban         | 11A11 | Ê-đê | Buôn Riăng, xã Ea Na   | 5 | 936.000 | 4.680.000 | 5 | 360.000 | 1.800.000 | 6.480.000          |  |  |                   |                    |  |  |
| 23               | Y Quý Hmők          | 11A11 | Ê Đê | Buôn K62, xã Du Kmăl   | 5 | 936.000 | 4.680.000 | 5 | 360.000 | 1.800.000 | 6.480.000          |  |  |                   |                    |  |  |
| 24               | Y - Khen Ênuôl      | 11A12 | Ê-đê | Buôn Dur 1, xã Du Kmăl | 5 | 936.000 | 4.680.000 | 5 | 360.000 | 1.800.000 | 6.480.000          |  |  |                   |                    |  |  |
| 25               | H Duyên Hmők        | 11A12 | Ê Đê | Buôn K62, xã Du Kmăl   | 5 | 936.000 | 4.680.000 | 5 | 360.000 | 1.800.000 | 6.480.000          |  |  |                   |                    |  |  |
| 26               | Nông Thị Thúy Liên  | 11A12 | Tày  | Buôn Krông, xã Du Kmăl | 5 | 936.000 | 4.680.000 | 5 | 360.000 | 1.800.000 | 6.480.000          |  |  |                   |                    |  |  |
| 27               | H' Biê Hđők         | 12A5  | Ê-đê | Buôn Riăng, xã Ea Na   | 5 | 936.000 | 4.680.000 | 5 | 360.000 | 1.800.000 | 6.480.000          |  |  |                   |                    |  |  |
| 28               | H' Boăt Hđők        | 12A7  | Ê-đê | Buôn Riăng, xã Ea Na   | 5 | 936.000 | 4.680.000 | 5 | 360.000 | 1.800.000 | 6.480.000          |  |  |                   |                    |  |  |
| 29               | H' Đot - Hđők       | 12A7  | Ê-đê | Buôn Riăng, xã Ea Na   | 5 | 936.000 | 4.680.000 | 5 | 360.000 | 1.800.000 | 6.480.000          |  |  |                   |                    |  |  |
| 30               | Hà Thanh Đạt Adrông | 12A8  | Ê-đê | Buôn Riăng, xã Ea Na   | 5 | 936.000 | 4.680.000 | 5 | 360.000 | 1.800.000 | 6.480.000          |  |  |                   |                    |  |  |
| <b>Tổng cộng</b> |                     |       |      |                        |   |         |           |   |         |           | <b>140.400.000</b> |  |  | <b>54.000.000</b> | <b>194.400.000</b> |  |  |

Số tiền bằng chữ: Một trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm ngàn đồng chẵn.

**NGƯỜI LẬP**

*Văn Đức Hải*

**Văn Đức Hải**

